



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
KHOA: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HỆ CHÍNH QUY
MÔN: PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM NGUỒN MỞ

BÀI TẬP TÌM HIỂU 1:

Tìm hiểu dự án FOSS

Nhóm X-me:

- | | |
|--------------------|---------|
| • Đinh Văn Hoàng | 1112096 |
| • Phạm Văn Hùng | 1112119 |
| • Quảng Minh Kháng | 1112130 |
| • Đỗ Thị Vân Linh | 1112162 |
| • Trần Văn Linh | 1112165 |
| • Bạch Đình Nhân | 1112200 |

MỤC LỤC:

I.	10 vấn đề (issues) đã được report:	3
1.1.	Wordpress 3.5 lỗi không nhận JQuery:.....	3
1.2.	Xung đột với BlockUI:	3
1.3.	Plugin Visual Edie trực trực:.....	6
1.4.	Thay đổi Permalink gặp lỗi 404 Not Found :	8
1.5.	Lỗi plugin MP6:	9
1.6.	Uncaught Reference Error: switchEditor is not defined.....	10
1.7.	Vấn đề hiển thị giao diện không thống nhất:.....	11
1.8.	Credit card declined:.....	12
1.9.	Comment stamp:.....	13
1.10.	WordPress tự động cập nhật chính: Trang web của bạn tương thích:	15
II.	Tìm hiểu về Foss project:.....	17
2.1.	Pháp lý:.....	17
2.2.	Kinh tế:	17
2.3.	Kỹ thuật :	18
2.3.1.	Kiến trúc trang WordPress :	18
2.3.2.	Cấu trúc Template WordPress :.....	23
2.3.3.	Cấu trúc cơ sở dữ liệu trong WordPress :.....	28
2.3.4.	Tìm hiểu bố cục các module trong Dashboard của WordPress:	30
2.4.	Xã hội :	36

I. 10 vấn đề (issues) đã được report:

1.1. Wordpress 3.5 lỗi không nhận JQuery:

Có nhiều vấn đề gây nên lỗi này: chi tiết xem tại đây <http://wordpress.org/support/topic/troubleshooting-wordpress-35-master-list?replies=4>.

Hiện tại, 25/04/2014, Wordpress phiên bản 3.9 không bị lỗi này. Để kiểm tra phiên bản Wordpress hiện tại có bị lỗi này hay không, ta thực hiện như sau:

+ Trong file index.php của Theme hiện tại, ta thêm 1 đoạn code có chứa câu lệnh JQuery.

- Sau đó dùng trình duyệt Chrome để mở trang này lên.
- Tiếp theo nhấn F12 → chọn tab Console → Nếu không có thông báo lỗi tức là JQuery hoạt động.

Để khắc phục được vấn đề này ta áp dụng lần lượt các cách sau, với mỗi cách sau khi đã áp dụng nên kiểm tra lại xem JQuery đã hoạt động trở lại hay chưa:

+ Bật tính năng SCRIPT_DEBUG: mở wp-config.php thêm vào dòng

```
define('SCRIPT_DEBUG', true);
```

+ Cập nhật lại Theme và Plugin.

+ Include trực tiếp JQuery bằng cách thêm vào trang hiện tại dòng sau

```
<? wp_enqueue_script('jquery-ui-core'); ?>
```

1.2. Xung đột với BlockUI:

BlockUI là một plugin của JQuery cho phép giả lập thao tác ‘Chờ đợi’ một tác vụ nào đó thực thi.

Tuy nhiên kể từ phiên bản Wordpress 3.6 trở đi, BlockUI 2.31 không còn hoạt động được trên Wordpress nữa. Thực ra vấn đề này không phải do Wordpress mà do lỗi ở hàm kiểm tra phiên bản của BlockUI. Đến nay, 25/04/2014, phiên bản BlockUI 2.66 (mới nhất) đã hoạt động ổn định trên Wordpress 3.9 (mới nhất).

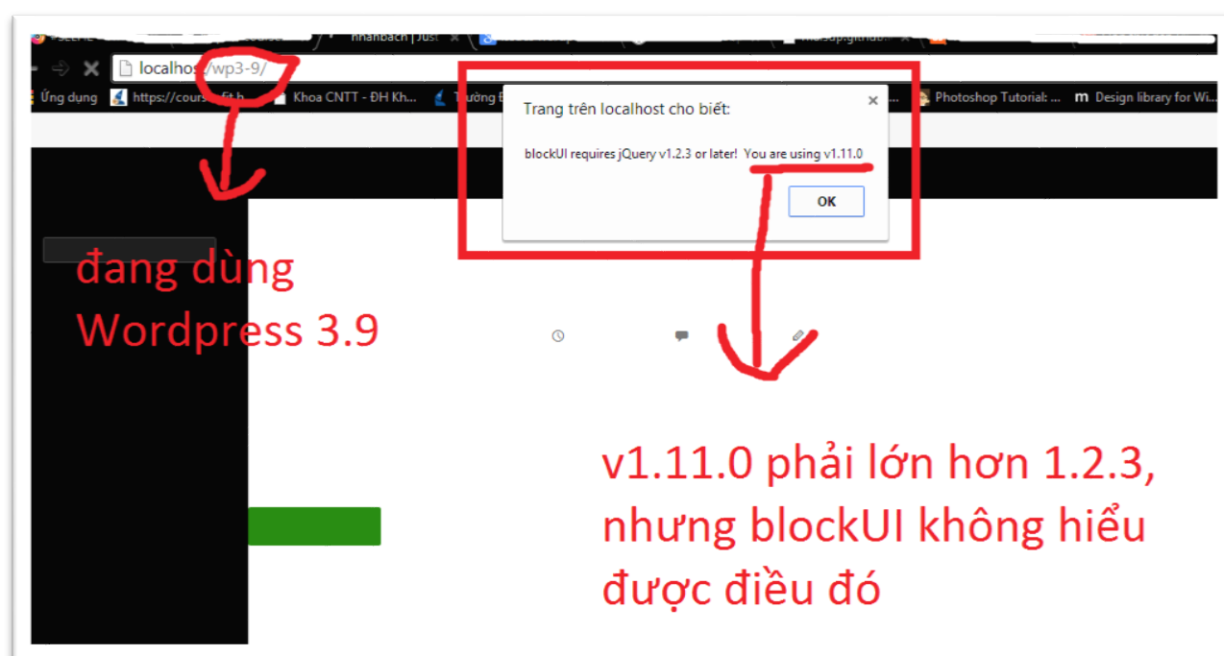
Cụ thể hàm kiểm tra phiên bản của plugin BlockUI lỗi như sau : plugin BlockUI muốn chạy được thì phải phụ thuộc vào JQuery. Ở phiên bản 2.31, BlockUI đòi hỏi tối thiểu phải có JQuery 1.2.3 để hoạt động. Và hiện tại Wordpress đang sử dụng JQuery 1.10 nhưng khi kiểm tra BlockUI xem 1.10 là 1.1, dĩ nhiên 1.1 nhỏ hơn 1.2.3 → dẫn tới BlockUI sẽ dừng không chạy nữa.

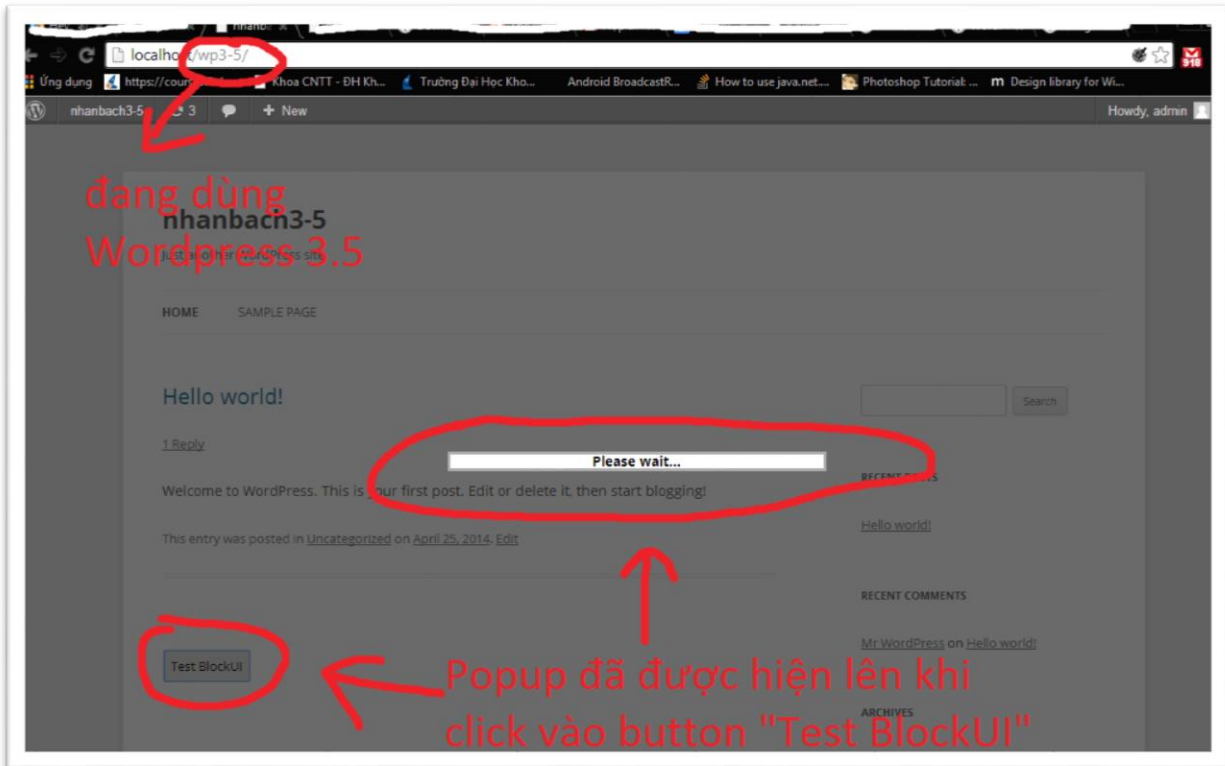
Sau đây em sẽ sử dụng BlockUI 2.31 trên Wordpress 3.9 (mới nhất tại 25/04/2014) và trên Wordpress 3.5. Các bước thực hiện như sau :

- + Trong trang Index.php của Theme hiện tại, thêm vào 1 button, và tham chiếu đến 2 file javascript, 1 là BlockUI.js và 1 là MyScript.js.

- + File BlockUI.js chứa plugin BlockUI phiên bản 2.31.

- + File MyScript.js sẽ chứa 1 đoạn lệnh, đoạn lệnh này sẽ gọi đến hàm của plugin BlockUI khi button được nhấn.





File index.php của Theme hiện tại

```
<?php endif; // end have_posts() check ?>
<button id= 'nb_button'>Test BlockUI</button> new
</div><!-- #content -->
<? wp_enqueue_script('jquery-ui-core'); ?> new
<?php wp_enqueue_script( 'nhan', get_template_directory_uri().'/js/myscript.js'); ?> new
<?php wp_enqueue_script( 'nhabn123', get_template_directory_uri().'/js/jquery.blockUI.js'); ?> new
```

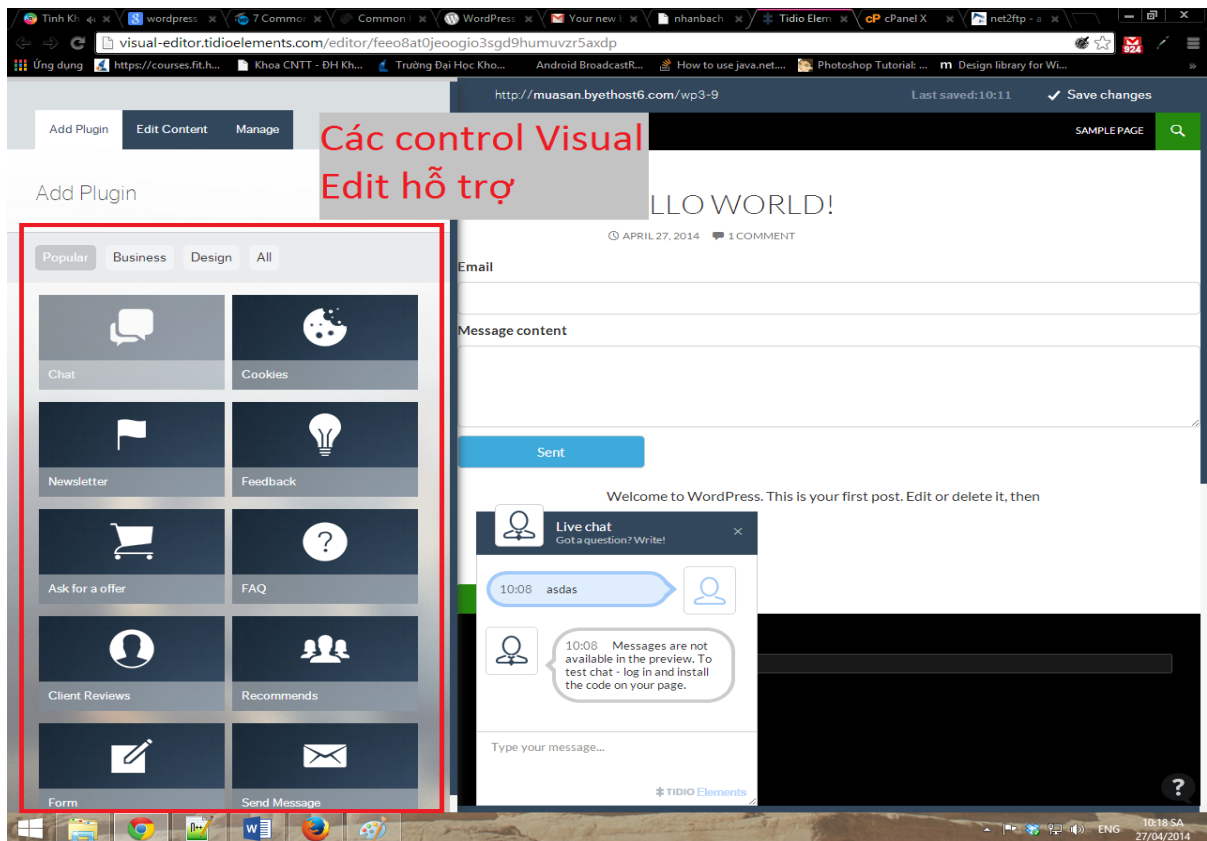
File myscript.js để gọi lệnh BlockUI khi button được nhấn

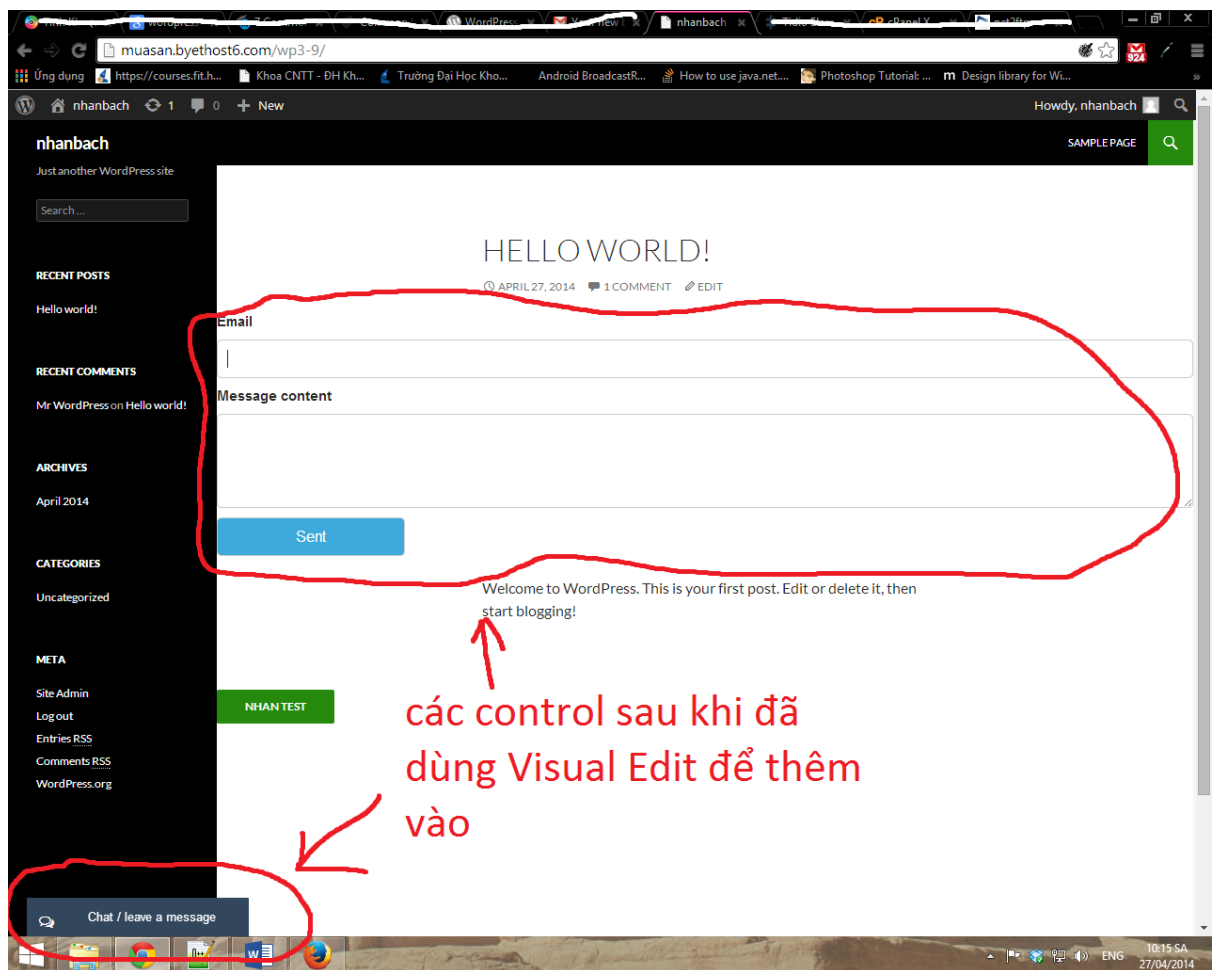
```
jQuery(document).ready(function(e) {  
    jQuery('#nb_button').click(function() {  
        jQuery.blockUI();  
        setTimeout(function() {jQuery.unblockUI();}, 3000);  
    });  
});
```

1.3. Plugin Visual Edie trực trặc:

Sau khi bản Wordpress 3.9 được phát hành, rất nhiều người dùng báo cáo lỗi về plugin Visual Edit (<http://wordpress.org/tags/visual-editor>).

Visual Edit là plugin cho phép tùy biến giao diện mà không phải dùng tới code, chỉ cần các thao tác kéo thả là có thể đưa các control vào trang web.





Lỗi mà người dùng gặp phải với plugin Visual Edit khi nâng cấp Wordpress lên phiên bản 3.9 là không hiện Visual Edit trong Dashboard.

Tuy nhiên khi thử nghiệm với phiên bản mới nhất của Visual Edit là 1.1.1 (27/04/2014) cùng với Wordpress 3.9 thì không phát hiện vấn đề gì.

1.4. Thay đổi Permalink gặp lỗi 404 Not Found :

Permalink là một chức năng thay đổi đường dẫn bài viết. Mặc định đường dẫn bài viết của Wordpress rất máy móc không thân thiện với các cỗ máy tìm kiếm như Google, ví dụ như: www.abc.com/index.php?id=3, khi sử dụng Permalink đường dẫn sẽ trở thành www.abc.com/ca-si-angola-phuong-trinh-bi-mat-do.

Tuy nhiên khi sử dụng chức năng này người dùng có thể gặp phải tình trạng “Error 404 Không tìm thấy trang”. Nguyên nhân chính dẫn đến vấn đề này do bạn chưa bật chế độ rewrite của apache.

Để bật chế độ này bạn làm như sau:

- + Tìm File “httpd.conf” trong thư mục “Apache/conf” (Tùy vào gói cài đặt và dịch vụ bạn sử dụng thì thư mục Apache có thể nằm ở vị trí khác nhau).

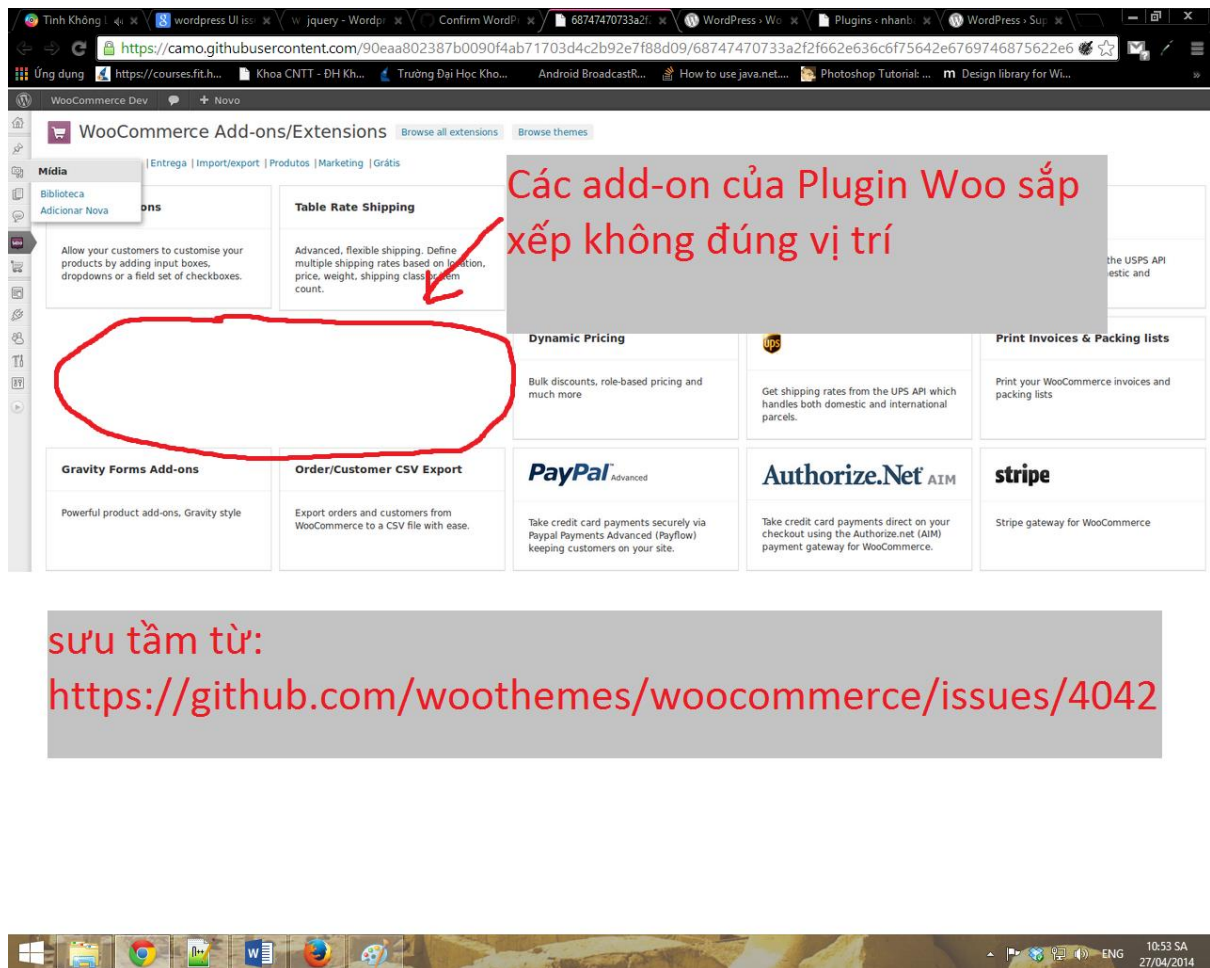
- + Trong file “httpd.conf” tìm dòng có chứa chữ rewrite. Sau đó xóa dấu # ở đầu dòng và lưu lại.

- + Sau đó khởi động lại Apache. (Task Manager→ Apache→restart).

1.5. Lỗi plugin MP6:

MP6 là plugin cho phép thay đổi giao diện admin. Tuy nhiên hiện tại, 27/04/2014, nó vẫn chưa hỗ trợ cho Wordpress 3.8 trở lên.

Và khi sử dụng MP6 với Wordpress 3.8 thì nó gặp lỗi như sau:



Nguồn: <https://github.com/woothemes/woocommerce/issues/4042>

Lỗi ở trên nghĩa là trong phần quản lý của plugin “Woo commerce”. Các item không được sắp xếp đúng vị trí. Đây chỉ là lỗi nhỏ tuy nhiên nó cũng ảnh hưởng đến trải nghiệm người dùng.

1.6. Uncaught Reference Error: switchEditor is not defined

We have updated all version of WordPress of our customers via Cpanel, now we are experiencing the same issue on all installations. It seems to be a WordPress Issue.

When we do the login we get a console error like this: Uncaught TypeError: Object function (e,t){return new v.fn.init(e,t,n)} has no ethod 'widget'

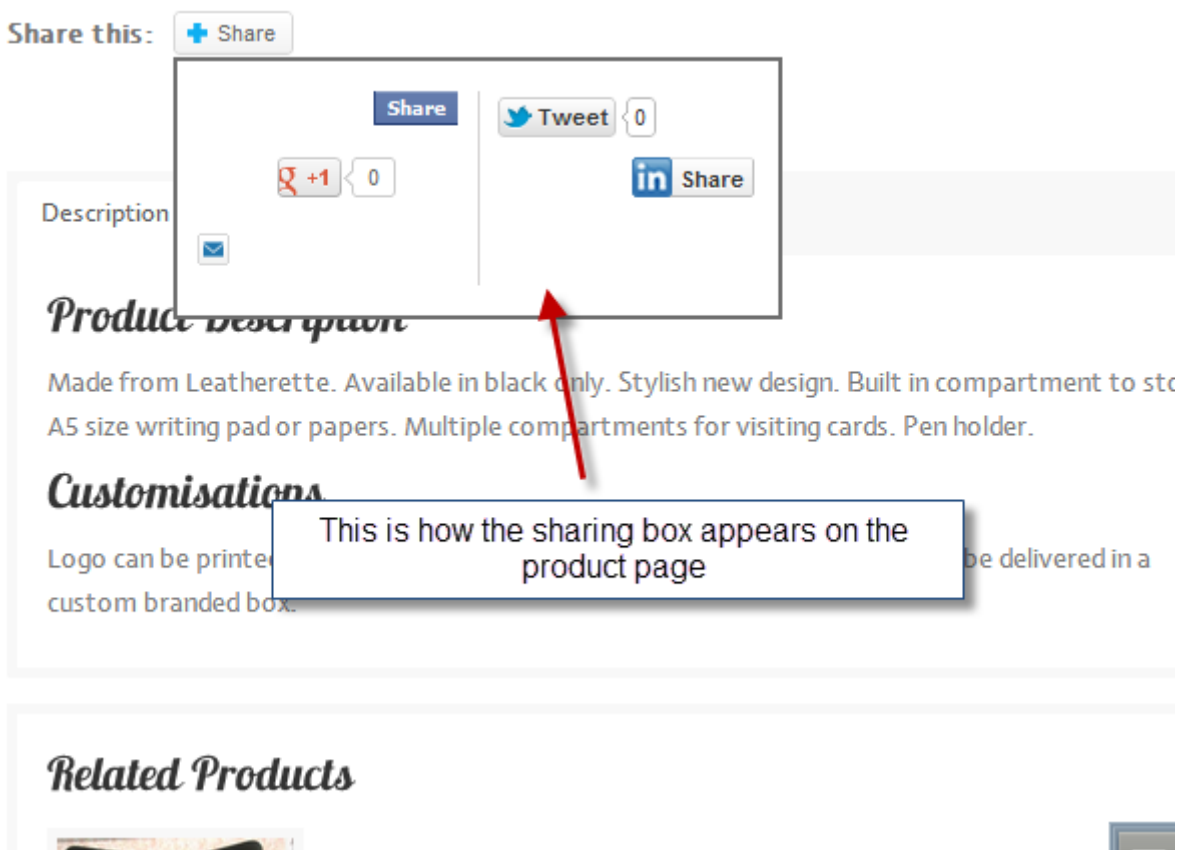
And when we click the "Switch editor" button, we get also this error:
Uncaught ReferenceError: switchEditors is not defined

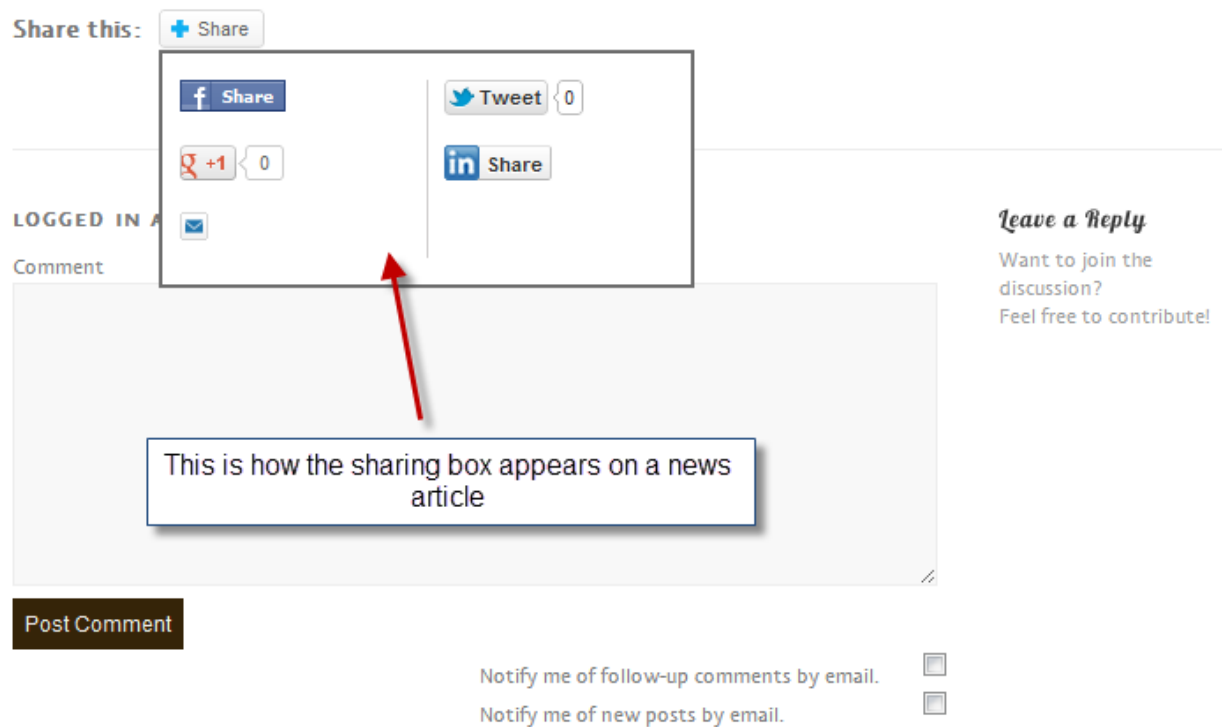
All buttons that open a dialog windows are not working.

We have disabled all plugins, functions.php, themes, but we didn't found the problem.

Tham khảo: <http://wordpress.org/support/topic/issues-when-updating-all-my-wordpress-websites>

1.7. Vấn đề hiển thị giao diện không thống nhất:





Cách sửa lỗi chỉnh sửa css bằng cách thêm đoạn code vào custom.css or Quick CSS

```
.FBConnectButton .FBConnectButton_Text,
.FBConnectButton_RTL.FBConnectButton_Text {

padding: 2px 6px 4px !important;

margin: 1px 1px 0 0 !important;

}
```

Tham khảo tại <http://www.kriesi.at/support/topic/problems-with-jetpackwordpress-core>

1.8. Credit card declined:

Thẻ tín dụng bị từ chối khi nâng cấp lên 1 gói cao cấp hơn.

Lỗi chưa được sửa

Tham khảo <http://en.forums.wordpress.com/topic/credit-card-declined-2>

1.9. Comment stamp:

- Thiết lập để kiểm tra thư giặc

Bình luận vừa phải từ lần đầu tiên bình luận tác giả

Không chỉ này sẽ ngăn chặn blog của bạn trở thành một spamfest , nhưng nó cũng sẽ cho phép những người đã được phê duyệt một lần để được chấp thuận cho ý kiến trong tương lai , để lại ít đến trung bình. Tác giả bình luận người thay đổi cách họ nhập tên của họ , địa chỉ email , hoặc liên kết trang web sẽ được đặt vào điều độ một lần nữa. Điều này sẽ giúp một người nào đó từ khi được phê duyệt một lần với một liên kết trang web tốt từ đến và sử dụng một trong những bạn sẽ không chấp nhận ý kiến trong tương lai .

Lưu ý rằng bạn phải giữ một mắt trên các tác giả bình luận đã được phê duyệt trước đây - một số biết hệ thống và sẽ để lại một vài ý kiến tuyệt vời , sau đó buông lời cho những người thân trong tương lai chỉ vì họ biết họ đang bị tự động đã được phê duyệt .

Tổ chức một commenter tác giả lần đầu tiên trong điều độ, đi đến WordPress bảng điều khiển của bạn > Cài đặt> Thảo luận . Theo Trước khi bình luận Xuất hiện phần , đánh dấu vào ô bình luận tác giả phải trước đây đã phê duyệt bình luận . Hãy chắc chắn rằng hộp kiểm bên trên nó cho người quản trị phải luôn luôn chấp nhận những nhận xét là không được kiểm soát .

Bây giờ, chúng ta hãy xem xét một số bổ sung mà bạn có thể sử dụng để làm giảm ý kiến thư rác hoặc ít nhất là làm cho họ dễ dàng hơn để phát hiện .

Tắt Trackbacks

Thư rác trackback đôi khi còn tồi tệ hơn thư rác nhận xét . Vì vậy, bạn phải xem xét có hay không có nó trên thậm chí còn cần thiết. Bạn vẫn có thể tìm ra những người có liên kết với blog của bạn bằng cách nhìn vào phần Incoming Liên kết của bảng điều khiển WordPress của bạn .

Bạn cũng có thể theo dõi chúng bằng cách đăng ký vào nguồn cấp dữ liệu RSS sau trong trình đọc RSS của bạn.

http://blogsearch.google.com/blogsearch_feeds?hl=en&scoring=d&ie=utf-8&num=10&output=rss&partner=wordpress&q=link:http://domain.com/

Chỉ cần thay đổi URL ở cuối để phù hợp với blog hoặc trang web của riêng bạn. Bằng cách này, bạn sẽ thấy các liên kết mới từ các blog trong trình đọc RSS của bạn.

Tắt Bình luận Sau 30 - 60 ngày

Những người bình luận cho mục đích xây dựng liên kết (hay còn gọi là SEO kẻ gửi thư rác) thường tìm kiếm bài viết blog với PageRank cao - của Google 1 - 10 điểm của chính quyền . Thông thường, các bài viết blog bắt đầu ra ở một PageRank của 0 và chỉ đạt được PageRank sau một vài tháng. Điều này có nghĩa rằng SEO kẻ gửi thư rác sẽ được nhắm mục tiêu bài đăng trên blog cũ của bạn.

Thông thường , chiều cao của sự nổi tiếng cho một bài đăng blog là trong vòng hai tuần đầu tiên . Đó cũng sẽ là khi bạn nhận được đa số ý kiến của bạn (trừ khi bạn không cập nhật blog của bạn mà thường xuyên) . Do đó, nếu bạn đóng blog ý kiến sau 30 - 60 ngày dựa trên sở thích của bạn , bạn sẽ có cảm nhận ít hơn rất nhiều để vừa phải.

Đóng cửa blog ý kiến của bạn sau một số ngày nhất định , đi đến WordPress bảng điều khiển của bạn > Cài đặt> Thảo luận . Theo bình luận cài đặt khác Phần , kiểm tra các tùy chọn để tự động ý kiến đóng trên bài viết cũ hơn __ ngày và điền vào số ngày mà bạn muốn bình luận cởi mở .

- Sử dụng plugins để kiểm soát thư rác

Akismet - Akismet là một plugin được xây dựng trong hệ thống WordPress sẽ lọc ý kiến thư rác những gì nó giả định là vào một thư mục thư rác cụ thể. Để kích hoạt nó , bạn sẽ cần phải đăng ký một khóa API từ trang web của họ . Nó là miễn phí cho các blog cá nhân và bất cứ nơi nào từ \$ 5 đến \$ 50 một tháng cho blog phi cá nhân . Hãy nhớ rằng bạn sẽ cần phải kiểm tra thư mục thư rác của bạn thường xuyên như một số ý kiến hợp pháp đôi khi bị nhầm lẫn lọc là thư rác . Bạn có thể đánh dấu chúng là không thư rác và sau đó phê duyệt trên blog của bạn .

G.A.S.P. - Các Growmap chống spambot Plugin là một plugin miễn phí cho phép bạn thêm một hình ảnh xác thực hộp đơn giản để hình thức bình luận của bạn . Tác giả bình luận phải kiểm tra các hộp để xác nhận họ là con người và không sử dụng một hệ thống tự động để gửi ý kiến bình luận của họ . Điều này sẽ cắt giảm số lượng thư rác tự động đăng kể vào blog của bạn .

CommentLuv - CommentLuv không phải là một plugin liên quan đến thư rác . Nó cho phép các tác giả bình luận để lại một link đến bài viết mới nhất của họ với bình luận của họ. Điều này có thể hữu ích cho chủ sở hữu blog để phát hiện các trang web không liên quan vì nó sẽ cho họ thấy bài viết sau cùng trên blog của tác giả bình luận của .

- Tham khảo: <https://blog.kissmetrics.com/control-blog-comment-spam>

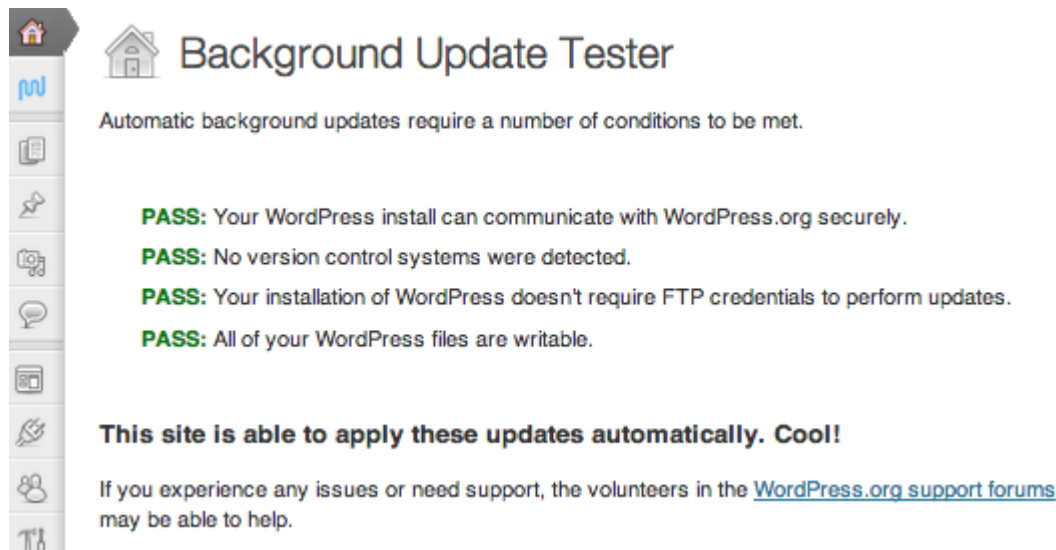
1.10. WordPress tự động cập nhật chính: Trang web của bạn tương thích:

Nacin và core đóng góp Dion Hulse đã phát hành nền Cập nhật Tester, cho phép bạn kiểm tra xem thông tin cập nhật tự động cốt lõi sẽ làm việc với WordPress của bạn cài đặt.

Hầu hết các trang web có thể cập nhật tự động trong nền. Plugin này sẽ kiểm tra nếu có bất kỳ vấn đề tương thích và giải thích bất kỳ vấn đề.

Sử dụng các plugin, vào **Dashboard > Update Tester**. Nếu bạn đang sử dụng nhiều trang, đi đến thông tin cập nhật > Cập nhật Tester trong quản trị mạng.

Tôi đã thử nghiệm các plugin trên cài đặt một mới của WordPress và thông qua với màu sắc bay.



Background Update Tester

Automatic background updates require a number of conditions to be met.

- PASS:** Your WordPress install can communicate with WordPress.org securely.
- PASS:** No version control systems were detected.
- PASS:** Your installation of WordPress doesn't require FTP credentials to perform updates.
- PASS:** All of your WordPress files are writable.

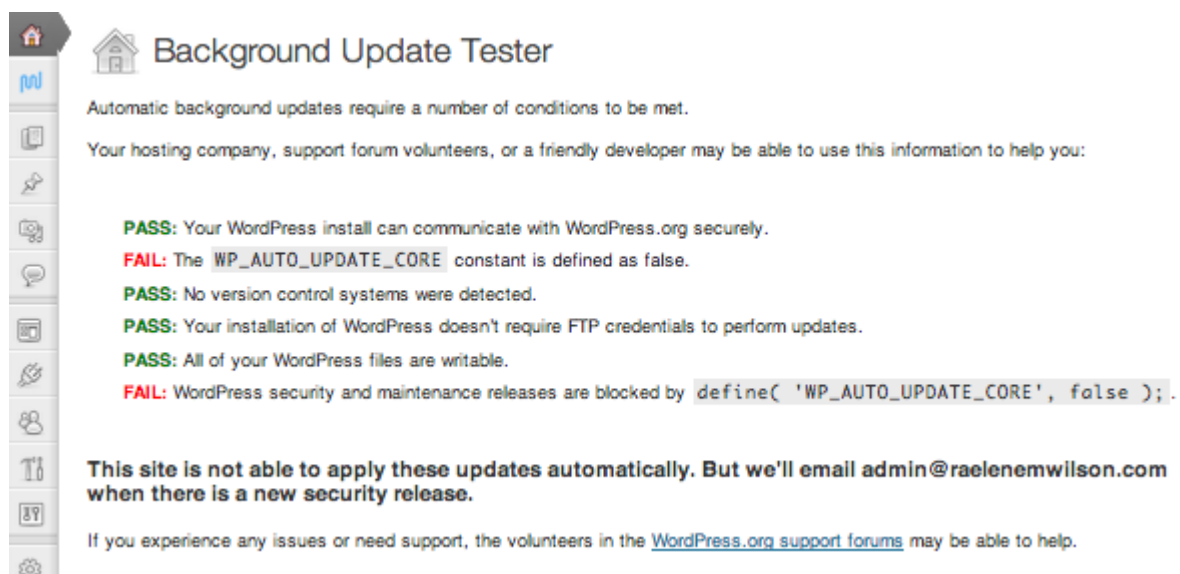
This site is able to apply these updates automatically. Cool!

If you experience any issues or need support, the volunteers in the [WordPress.org support forums](#) may be able to help.

Sau đó tôi cập nhật tập tin wp-config.php của tôi để tắt tính năng tự động cập nhật. Thật dễ dàng, đủ để làm (tôi che giấu nó mà trong Làm thế nào để Turn Off Automatic Updates trong WordPress 3.7). Chỉ cần thêm dòng mã sau đây:

```
define( 'AUTOMATIC_UPDATER_DISABLED', true );
```

kiểm tra Background Update Tester một lần nữa và nhận điều này:



Background Update Tester

Automatic background updates require a number of conditions to be met.

Your hosting company, support forum volunteers, or a friendly developer may be able to use this information to help you:

- PASS:** Your WordPress install can communicate with WordPress.org securely.
- FAIL:** The `WP_AUTO_UPDATE_CORE` constant is defined as false.
- PASS:** No version control systems were detected.
- PASS:** Your installation of WordPress doesn't require FTP credentials to perform updates.
- PASS:** All of your WordPress files are writable.
- FAIL:** WordPress security and maintenance releases are blocked by `define('WP_AUTO_UPDATE_CORE', false);`.

This site is not able to apply these updates automatically. But we'll email admin@raelenemwilson.com when there is a new security release.

If you experience any issues or need support, the volunteers in the [WordPress.org support forums](#) may be able to help.

Nacin nhấn mạnh plugin này là một “early rough cut”. Ông nói trong một phiên bản tương lai anh muốn thêm khả năng gửi một email thử nghiệm để kiểm tra xem cài đặt của bạn có thể gửi email cho bạn.

Tham khảo: <http://premium.wpmudev.org/blog/wordpress-automatic-core-updates-is-your-site-compatible>

II. Tìm hiểu về Foss project:

2.1. Pháp lý:

User 1 (Blogger) được bên Project cho sử dụng các dịch vụ cơ bản miễn phí, và sẽ cung cấp nâng cấp các tính năng tiên tiến như tên miền, không gian lưu trữ với mức phí quy định. Bên Project sẽ cho bên User 1 quyền sở hữu trang web của mình, được quyền điều khiển, thể hiện bản thân 1 cách tự do, nhưng sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung trong đó. User phải đảm bảo không có những thứ như spam, virus, hay hate content trong trang web của mình.

User 2 (Người kinh doanh phần mềm có sử dụng project) được quyền sử dụng, sửa đổi, phân phối phần mềm đó tự do và cũng phải đảm bảo quyền đó cho tất cả mọi người đối với sản phẩm của mình. Bên Project sẽ cũng cấp project đó và User 2 phải chấp nhận các điều khoản GNU GENERAL PUBLIC LICENSE, và phải kèm license đó trong sản phẩm của mình. Không được thay đổi, chỉnh sửa bất cứ gì trong lisencc.

2.2. Kinh tế:

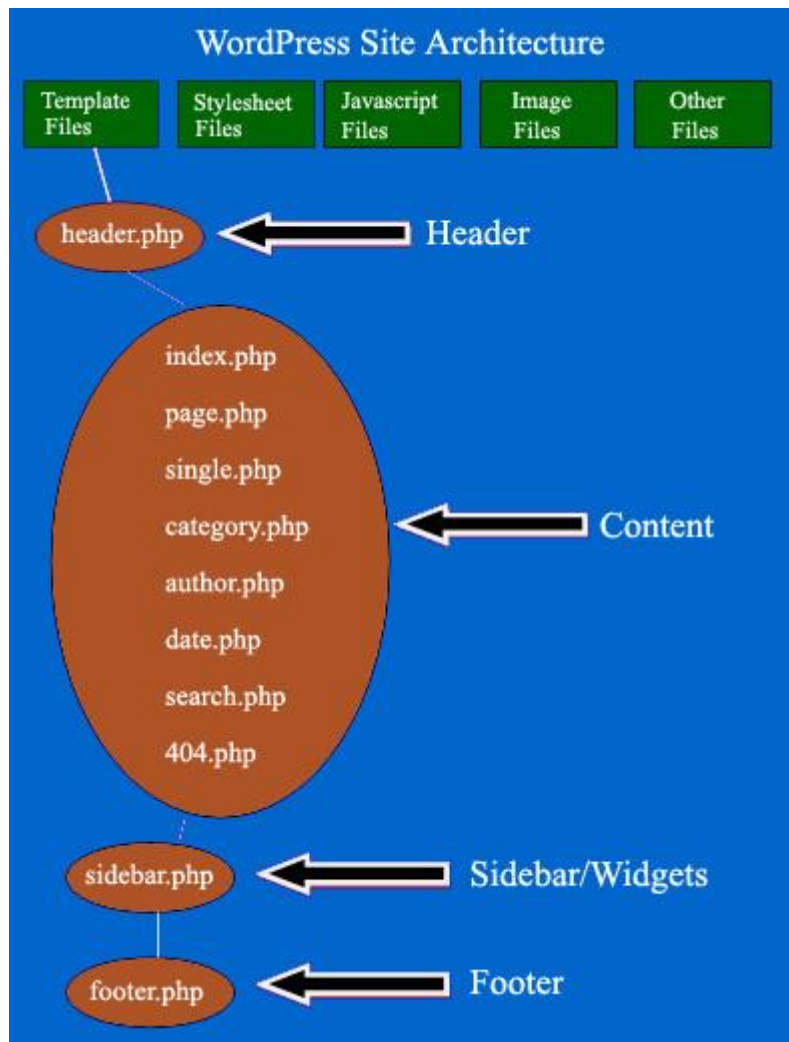
- Open Data Protocol (OData) là một giao thức truy cập dữ liệu ban đầu được sáng lập bởi Microsoft . Phiên bản 1.0, 2.0, và 3.0 được phát hành theo Microsoft Open Specification Promise . Phiên bản 4.0 đã được chuẩn hóa tại OASIS, và được phát hành tháng ba năm 2014. Giao thức được thiết kế để cung cấp tiêu chuẩn CRUD truy cập vào một nguồn dữ liệu thông qua một trang web. Nó tương tự như JDBC và ODBC mặc dù OData không giới hạn cơ sở dữ liệu SQL .

- Create Read Update Delete (CRUD) là bốn chức năng cơ bản của lưu trữ liên tục.

2.3. Kỹ thuật :

2.3.1. Kiến trúc trang WordPress :

- Giới thiệu :



- **Template files** là các file PHP (.php) dùng để tạo ra các trang web và tùy chỉnh khả thi trong WordPress. Càng nhiều file template trong chủ đề của bạn, bạn càng có thể tùy chỉnh nhiều hơn. Một vài template file được dùng trên tất cả các trang web (như template file header và footer), trong

khi các template file khác chỉ được dùng trong trường hợp xác định.

WordPress chọn template file nào để load lúc nào, theo quy định về phân cấp template (template hierarchy).

Note: Tên của template file đa dạng tùy vào chủ đề bạn đang dùng.

- **Tìm hiểu một số các template file thông dùng được dùng trong WordPress:**

STT	Template File	Mô tả
1	header.php	<ul style="list-style-type: none">• Hiển thị headers và navigation.• Nếu bạn muốn thay đổi phần head (<head>...</head>) của mỗi trang web (như thêm mã Google Analytics Tracking hay mã tracking khác,...) thì bạn phải chỉnh sửa file này.• Bạn chỉnh sửa file này bằng cách vào WordPress Admin Panel > Appearance > Editor > header.php
2	Index.php	<ul style="list-style-type: none">• Hiển thị blog post index.• Blog post index bao gồm một vòng lặp (một đoạn mã PHP) nơi hiển thị hầu hết các bài post gần nhất theo những điều kiện đã xác định. Nó hiển thị danh sách các bài post theo dạng tóm gọn hoặc dạng đầy đủ.• Blog post index có thể được chỉnh để hiển thị phía trước trang web hay một trang tĩnh riêng.• Bạn chỉnh sửa file này bằng cách vào wordpress admin panel > Appearance > Editor > index.php or Settings > Reading.
3	home.php	<ul style="list-style-type: none">• Hiển thị blog post index.• Blog post index có thể được chỉnh để hiển thị phía trước trang web hay một trang tĩnh riêng.• Nếu thiếu file này thì WordPress sẽ tìm gọi file

		index.php trong thư mục chủ đề hiện hành và dùng nó.
4	Front-page.php	<ul style="list-style-type: none"> • Hiển thị front Page của trang web (thường được gọi là trang chủ). Front page có thể là một trang web tĩnh hay blog posts index. • WordPress tìm file này đầu tiên khi load front page của trang web của bạn. Nếu thiếu file này thì WordPress sẽ tìm gọi file home.php.
5	page.php	<ul style="list-style-type: none"> • Hiển thị tiêu đề trang và các con của nó. • Nếu bạn là một người dùng logged với quyền “edit” thì bạn file này sẽ hiển thị đường dẫn “Edit” đến nơi bạn có thể chỉnh sửa trang. Nó cũng hiển thị danh sách comment và mẫu comment.
6	single.php	<ul style="list-style-type: none"> • Hiển thị: <ul style="list-style-type: none"> ◦ Tiêu đề blog post ◦ Con của blog post ◦ Tên tác giả ◦ Ngày của post ◦ post category và tags ◦ Danh sách comment ◦ Mẫu comment ◦ Đường dẫn chuyển đến post trước và tiếp theo. ◦ Nếu bạn là một người dùng logged với quyền “edit” thì bạn file này sẽ hiển thị đường dẫn “Edit” đến nơi bạn có thể chỉnh sửa blog post của bạn.
7	category.php	Điều khiển hiển thị của các category.
8	author.php	Điều khiển hiển thị của trang tác giả.
9	search.php	Điều khiển hiển thị của trang kết quả tìm kiếm khi người dùng thực hiện tìm kiếm trên trang web của bạn.

		Nó có thể hiển thị danh sách post theo dạng thu gọn hay đầy đủ. Sửa file này nếu bạn muốn tùy chỉnh trang kết quả tìm kiếm.
10	404.php	<ul style="list-style-type: none"> Được dùng khi WordPress không tìm thấy post hay trang được chỉ định. Sửa file này nếu bạn muốn tùy chỉnh trang 404 của bạn.
11	footer.php	<ul style="list-style-type: none"> Sửa file này để sửa footer của từng trang web của bạn. Nhiều lần chúng ta cần thêm mã tracking hay vài javascript vào trước <code></body></code> hay sửa đường dẫn footer.
12	comments.php	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định hiển thị của comment. Nó cũng hiển thị các trackback, pingback và gravatar.
13	style.css	<ul style="list-style-type: none"> Là file css chỉnh của chủ đề WordPress của bạn và nó điều khiển thiết kế và layout của trang web. Bạn có thể sửa file này để thay đổi tên chủ đề, tên tác giả hay URL tác giả.
14	Sidebar.php	<ul style="list-style-type: none"> Điều khiển hiển thị sidebar. Bạn có thể thiết lập content của các sidebar widget qua WordPress admin panel.
15	Functions.php	<ul style="list-style-type: none"> Thêm các tính năng tùy chọn cho chủ đề của bạn. Nó làm việc như một file plug-in. Khi file này xác định chủ đề, bạn sẽ mất đi các hàm tùy chỉnh khi bạn đổi chủ đề. Không phải tất cả chủ đề WordPress dùng file này. Nếu file này không theo chủ đề của bạn, bạn có thể tạo nó ra trong <code>wp-content/themes/</code> folder và thêm hàm

- Tìm hiểu những file quan trọng của 1 trang WordPress:

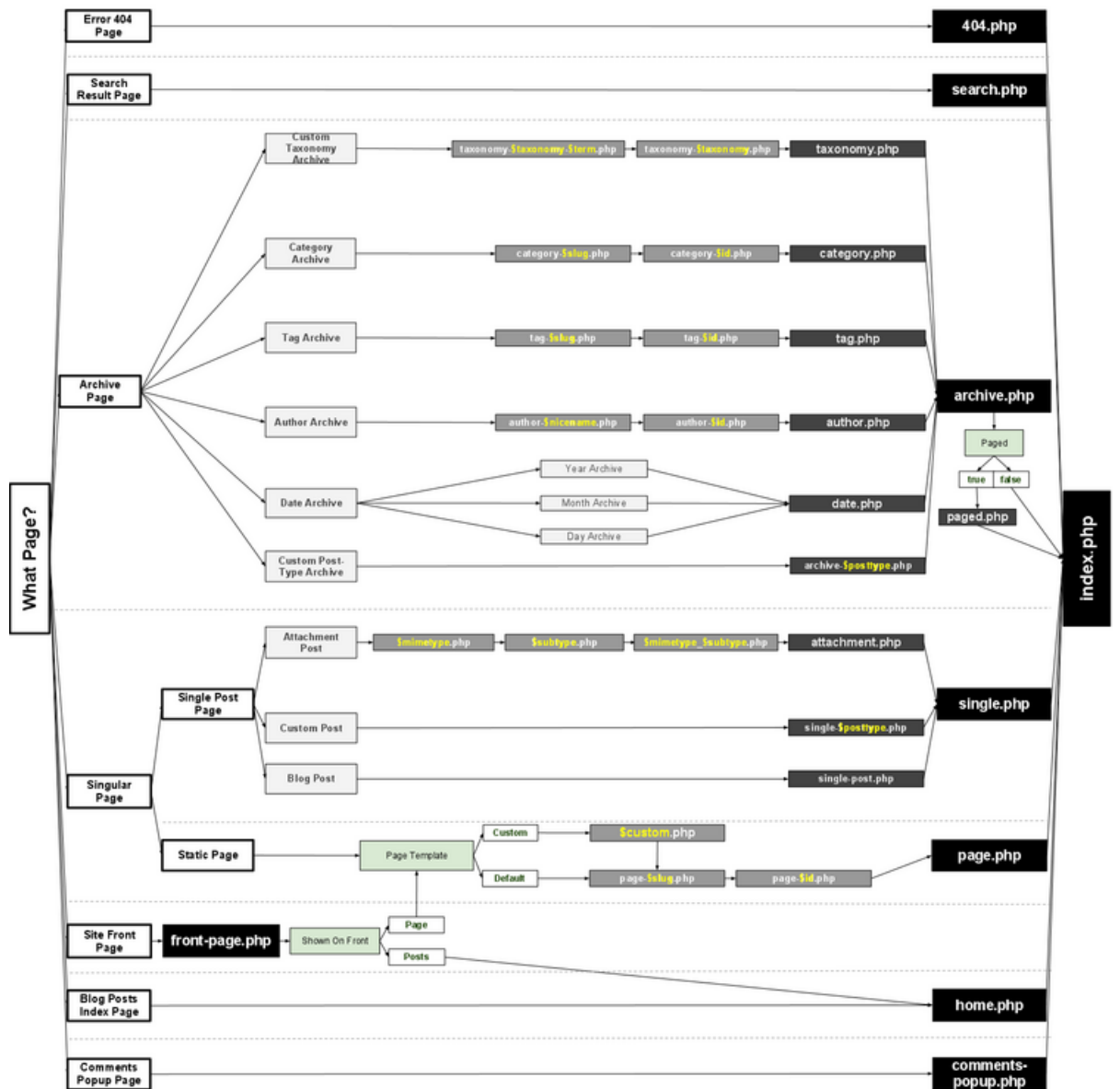
STT	WordPress File/Folder	Mô tả
1	/wp-content/	Thư mục này chứa tất cả các plug-in và chủ đề. Nó cũng chứa tất cả các blog post và comment (trong thư mục con "cache"). Nếu bạn muốn lấy chúng ra để back up thì bạn nên back up chúng đầu tiên.
2	/wp-config.php	Thư mục này lưu trữ thông tin về cơ sở dữ liệu như tên, tên người dùng, mật khẩu... Nó là file rất quan trọng, đừng đụng đến nó nếu bạn không rành.
3	/.htaccess	Một file quan trọng nữa về kiểm soát truy cập server. Bạn có thể tìm thấy nó trong thư mục gốc qua FTP.
4	/favicon.ico	This is your website favicon file. You can find this file in the root folder via your FTP. Đây là file favicon của trang web. Bạn có thể tìm thấy nó trong thư mục gốc qua FTP.
5	/robots.txt	Khỏi nói cũng biết!

Read more: <http://www.seotakeaways.com/wordpress-ninja-15-minutes/#ixzz306IE7OXH>

2.3.2. Cấu trúc Template WordPress :

Một trang hiển thị trên giao diện người dùng của wordpress được cấu thành từ nhiều thành phần (hay nói nôm na là file) khác nhau. Những thành phần này có thể được dùng xuyên suốt các trang của wordpress, hoặc chỉ dùng trong các điều kiện cụ thể.

Khi người dùng mở một trang trên website, WordPress sẽ thực hiện các truy vấn xác định xem trang được mở thuộc loại nào (Ví dụ: Trang chủ, Trang tìm kiếm, Trang danh mục, ...). Sau đó WordPress sẽ dò theo hệ thống phân cấp (hierarchy) của giao diện và xác định mẫu đầu tiên phù hợp và gọi nó lên.



Templage Hierarchy

CHI TIẾT

Các phần sau đây là thứ tự các file được gọi bởi WordPress cho từng trường hợp cụ thể

Home Page Display

Các file được gọi theo thứ tự sau:

1. [home.php](#)
2. [index.php](#)

Nghĩa là nếu WordPress không thấy file [home.php](#) sẽ gọi file [index.php](#)

Front Page Display

Khi vào trang chủ bạn muốn hiển thị 1 page hay 1 post cụ thể bạn có thể vào [Setting->Reading](#) để chỉnh sửa. Trong trường hợp này các file sẽ được gọi theo thứ tự sau

1. [font-page.php](#)
2. Page (nếu page template được để là Default Template thì file được gọi là [page.php](#))
3. Posts

Single Post Display

1. [single-{post_type}.php](#) (Ví dụ: `post_type` là [product](#) thì file được gọi là [single-product.php](#))
2. [single.php](#) (Nếu `post_type` là [post](#) và không có file [single-post.php](#))
3. [index.php](#)

Page Display

1. [Custom template file](#) (Page Template được gán cho trang)
2. [page-{slug}.php](#) (Ví dụ: Trang ‘Liên hệ’ có slug là ‘[lien-he](#)’ thì file được gọi là [page-lien-he.php](#))
3. [page-{id}.php](#) (Ví dụ: Trang ‘Giới thiệu’ có id là **6** thì file được gọi là [page-6.php](#))
4. [page.php](#)

5. [index.php](#)

Category Display

1. [category-{slug}.php](#) (Ví dụ: Category có slug là ‘[tin-tuc](#)’ thì file được gọi là `category-tin-tuc.php`)

2. [category-{id}.php](#) (Category có id là **6** thì file được gọi là `category-6.php`)

3. [category.php](#)

4. [archive.php](#)

5. [index.php](#)

Tag Display

1. [tag-{slug}.php](#)

2. [tag-{id}.php](#)

3. [tag.php](#)

4. [archive.php](#)

5. [index.php](#)

Custom Taxonomy Display

1. [taxonomy-{taxonomy}-{term}.php](#) (Ví dụ: Taxonomy là ‘[books](#)’ và term(tương tự như slug của category) là ‘[sach1](#)’ thì file được gọi là `taxonomy-books-sach1.php`)

2. [taxonomy-{taxonomy}.php](#) (Ví dụ: Taxonomy là ‘[books](#)’ thì file được gọi là `taxonomy-books.php`)

3. [taxonomy.php](#)

4. [archive.php](#)

5. [index.php](#)

Custom Post Type Display

1. [archive-{post-type}.php](#) (Ví dụ: post type là ‘[product](#)’ thì file được gọi là `archive-product.php`)

2. [archive.php](#)
3. [index.php](#)

Author Display

1. [author-{nickname}.php](#) (Ví dụ: Author có nickname là ‘dangsd’ thì file được gọi là author-dangsd.php)
2. [author-{id}.php](#) (Ví dụ: Author có id là 6 thì file được gọi là author-6.php)
3. [author.php](#)
4. [archive.php](#)
5. [index.php](#)

Date Display

1. [date.php](#)
2. [archive.php](#)
3. [index.php](#)

Search Result Display

1. [search.php](#)
2. [index.php](#)

404 Display

1. [404.php](#)
2. [index.php](#)

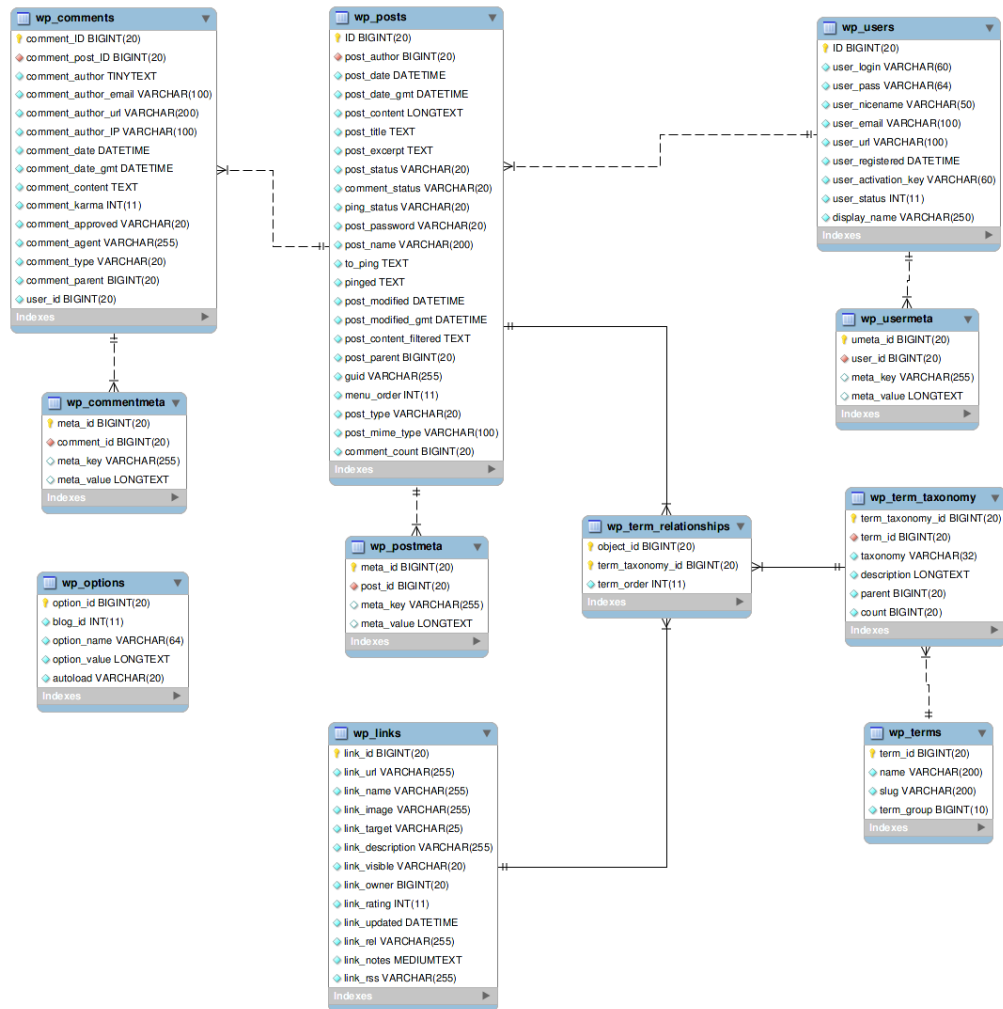
Attachment Display

1. [MINE-type.php](#) (Ví dụ: image.php, video.php, audio.php)
2. [attachment.php](#)
3. [single-attachment.php](#)
4. [single.php](#)
5. [index.php](#)

<http://wpiz.net/cau-truc-template-wordpress/>

2.3.3. Cấu trúc cơ sở dữ liệu trong WordPress :

Cơ sở dữ liệu của WordPress khá đơn giản, chỉ bao gồm 11 bảng, nhưng có thể dùng cho rất nhiều loại website khác nhau. Ở đây giữ table prefix mặc định của WordPress là **wp_**



1. wp_options

Lưu các thông tin cấu hình website, các thông tin cố định, ít thay đổi.

2. wp_posts

Chứa các bài post, page, attachment, nav_menu_item,... Nói chung bảng **wp_posts** sẽ chứa các dữ liệu loại “đơn lẻ” như sản phẩm, sách,...

3. wp_postmeta

Theo kiểu thiết kế CSDL như trước đây, nếu bạn có 1 bài viết và muốn biết bài viết này có nổi bật hay không? Có bao nhiêu người đọc? 1 đoạn mô tả ngắn... bạn sẽ thêm các trường ấy vào bảng posts. Tuy nhiên với cách thiết kế CSDL ấy, khi thiết kế website khác bạn sẽ phải làm CSDL mới.

WordPress cung cấp cho ta bảng **wp_postmeta** để lưu **các thông tin thêm** không giới hạn. Ví dụ để thêm thông tin về mô tả ngắn cho bài post, tôi thêm vào bảng **wp_postmeta** như sau: `post_id=[id của bài post]`, `meta_key='description'`, `meta_value=[đoạn description]`.

4. wp_comments

Lưu các comment, nhận xét bài viết

5. wp_commentmeta

Thông tin thêm của comment, nhận xét

6. wp_terms

Lưu id, tên, slug, group của các **taxonomy**(*category, tag, menu,*). Nói chung là lưu các “*vật chứa*” như thương hiệu, tỉnh thành,...

7. wp_term_taxonomy

Lưu thông tin của các term: thuộc loại nào(*category, tag, menu, ...*), mô tả, term cha (con của term nào), số lượng item chứa trong nó.

8. wp_term_relationships

Bảng quan hệ giữa **post** và **taxonomy**

9. wp_users

Lưu thông tin người dùng

10. wp_usermeta

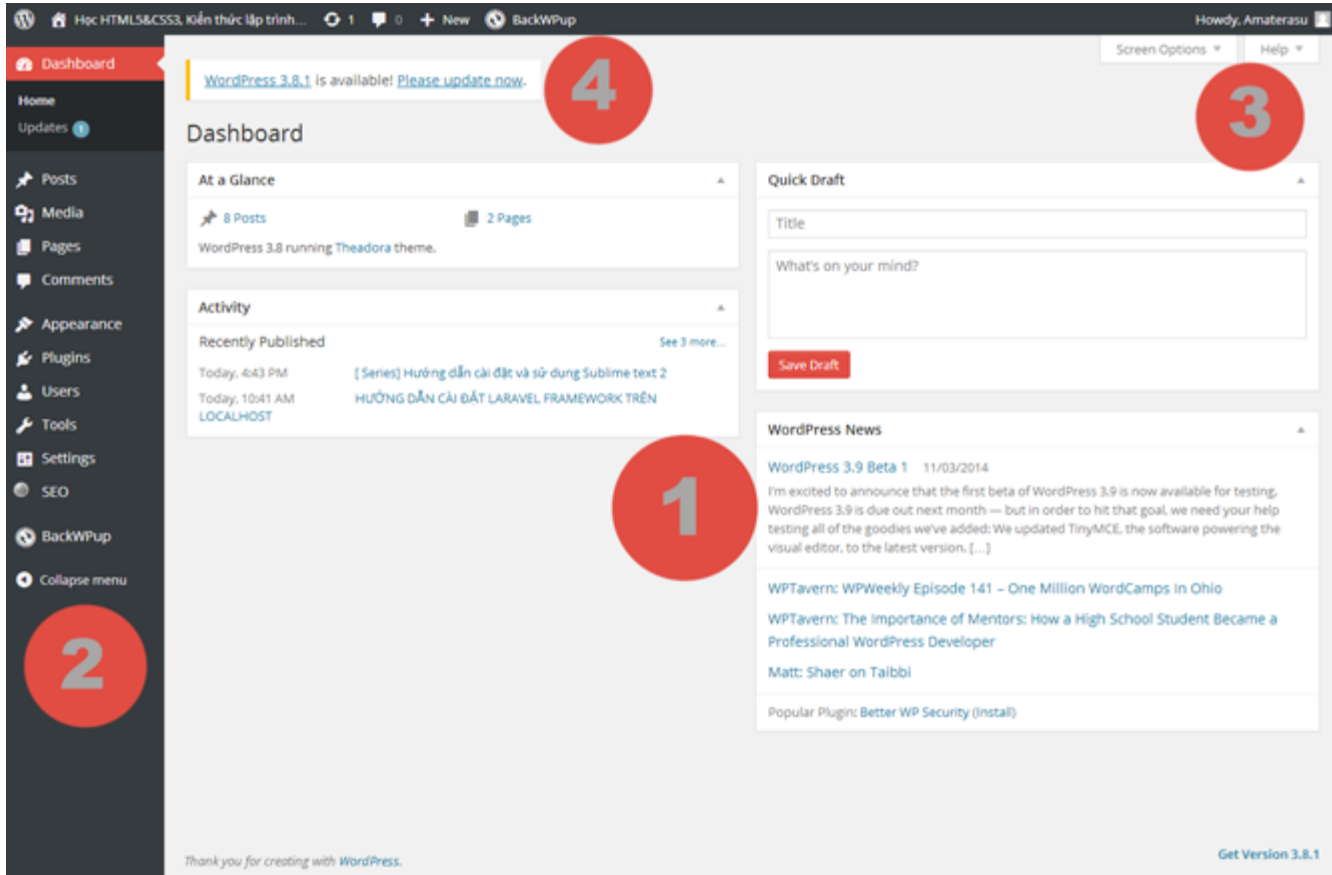
Lưu thông tin thêm của người dùng

11. wp_links

Lưu các liên kết

<http://wpiz.net/cau-truc-co-so-du-lieu-trong-wordpress/>

2.3.4. Tìm hiểu bố cục các module trong Dashboard của WordPress:



Các khu vực chính trong WordPress Dashboard

I: Chú thích.

1: Khu vực trung tâm thông báo (Notification Center).

Đây chính là phần hiển thị nội dung các hoạt động của bạn, nó giống như bảng tóm tắt cho các module khác nhau trong trang web. Nó có các phần chính như Activity, WordPress News, Quicks Draft, At a Glance.

2: Khu vực Menu chính (Main Menu).

Main Menu là khu vực để bạn truy cập vào các module có trong WordPress Dashboard, khi bạn hover chuột qua module nào thì nó sẽ hiển thị cho bạn các module con bên trong module cha mà bạn vừa di chuyển chuột qua. Mỗi một module như vậy tương ứng với một tính năng và tác dụng riêng biệt. Phần này có thể coi là phần quan trọng nhất trong việc giúp bạn quản trị một website.

3: Tùy chọn hiển thị (Display Options).

Tại khu vực tùy chỉnh này có 2 Module chính là Screen Options và Help. Nếu bạn click vào nút Screen Options thì bạn có thể tùy chỉnh hiển thị hoặc ẩn các đối tượng cụ thể ở khu vực trung tâm thông báo (Notification Center) để làm nó gọn đi hoặc hiển thị chi tiết đầy đủ hơn.

4: Thanh điều hướng nhanh cho Admin Page (Toolbar).

Nếu bạn đã đăng nhập vào WordPress Admin Page thì nó sẽ hiện ra. Bạn không thể điều chỉnh (toolbar) hiển thị hoặc ẩn đi ở trang admin, bạn chỉ có thể tùy chọn cho toolbar ẩn đi ở trang (frontend) nếu bạn vào phần “Edit my profile” và tắt nó đi. Toolbar có công dụng giúp bạn có thể di chuyển tới trang frontend nhanh hơn, hay tạo ngay một bài viết mới, một page mới, tạo một user hay media...nhanh hơn mà không phải chuyển qua khu vực (Main Menu) để thực hiện điều đó.

Trên đây là 4 phần quan trọng trong trang quản trị admin mà bạn cần biết. Bây giờ chúng ta sẽ là tới phần quan trọng nhất, đó là tìm hiểu ý nghĩa của các module ở khu vực Main Menu.

II: Tìm Hiểu Các Module Trong Main Menu.

1. Dashboard

Tại module Dashboard này là phần tổng hợp các công cụ liên quan đến việc theo dõi thống kê của website và thông báo các bản cập nhật nếu như có phiên bản mới của wordpress hoặc theme, plugin,... Nó chia thành 2 module con như sau:

- **Home:** Khu vực theo dõi các hoạt động, thay đổi của WordPress, cũng như báo cáo chi tiết về các bài viết, bình luận,...
- **Update:** Module này sẽ thông báo cho bạn nếu có các bản cập nhật và lỗi hoặc thêm tính năng của WordPress, theme, plugin mà bạn đang sử dụng. Mỗi khi có bản cập nhật mới được nhà phát triển phát hành nó sẽ tự động hiển thị thông báo cho bạn biết.

2. Posts

Module này là phần quan trọng nhất, tại đây bạn có thể đăng bài viết và cụ thể là quản lý nó. Trong đây có 2 module con là Category và Tag, có thể hơi khó phân biệt với những bạn mới tiếp cận wordpress.

- **All Posts:** Xem và chỉnh sửa, quản lý tất cả các bài viết đang có trên website.
- **Add New:** Đăng bài mới.
- **Categories:** Quản lý các chuyên mục và bài viết có trong Category đó.
- **Tags:** Quản lý các thẻ mà bài viết được đánh dấu.

3. Media

Module này sẽ giúp bạn quản lý các file media đang có trên website như các file (hình ảnh, âm nhạc, video clip,...). Có thể phần này bạn sẽ không dùng nhiều nhưng ít nhất bạn cũng nên xem qua.

- **Library:** Thư viện media, nơi bạn quản lý các tập tin đã upload lên.
- **Add New:** Thêm mới một file media.

4. Pages

Module này gần giống với Post lúc trước, điểm khác biệt là nó sẽ không có categories và tags. Công dụng của nó là dùng để đăng các trang nội dung có yếu tố chung chung và cố định ít phải hay đổi và không được phân loại bởi một category hay tag nào, ví dụ như trang About Us, Contact Us, Warning, FAQ's,

- **All Pages:** Bạn có thể xem và quản lý tất cả các page hiện có.
- **Add New:** Tạo page mới.

5. Comments

Module này giúp bạn có thể quản lý, chỉnh sửa, xóa các bình luận của website, blog. Chỉ vậy thôi.

6. Appearance

Module này là module rất quan trọng, nó sẽ giúp bạn quản lý và chỉnh sửa tất cả mọi thứ liên quan đến giao diện của website. Nếu bạn đang dùng giao diện mặc định thì phần này bạn sẽ thấy các module con sau. Phần này có vài thuật ngữ mới có thể bạn chưa biết những hay cố gắng ghi nhớ.

- **Themes:** tại đây bạn có thể quản lý, cài đặt và xóa các theme (giao diện) bạn đang sở hữu. Nó cũng được tích hợp tính năng tìm kiếm theme có sẵn trong thư viện của WordPress tại trang WordPress.org.
- **Customize** (*không phải theme nào cũng có*): Chỗ này để bạn có thể thỏa thích tùy biến giao diện đang có như thay đổi CSS, thêm các div, các id, class mới ...etc...
- **Widgets:** Nó giúp quản lý các widget được hỗ trợ trong theme. Đa phần các widget sẽ hiển thị tại sidebar của trang web wordpress.

- **Menus:** Bạn sẽ quản lý và chỉnh sửa các menu hiện có trong theme.
- **Header** (*Không phải theme nào cũng có*): Nó có chức năng thêm ảnh ở phần header cho theme.
- **Editor:** Đây là phần khá quan trọng và phức tạp có thể bạn sẽ cần dùng nhiều, và cũng không nên sửa những gì ở đây nếu bạn không hiểu về nó. Thực chất module này giúp bạn có thể can thiệp vào phần code của theme và thay đổi theo ý mình.

7. Plugins

Plugin là một ứng dụng cho website mà trong WordPress mặc định khi cài đặt bạn sẽ không có, muốn sử dụng thêm các ứng dụng khác nhau thì bạn phải cài thêm plugin hỗ trợ các chức năng mà bạn mong muốn để sử dụng.

- **Installed Plugins:** Trang Quản lý các plugin hiện có, bạn có thể bật, tắt hoặc xóa nó ra khỏi website ở đây.
- **Add New:** Cài mới một plugin.
- **Editor:** Cũng như phần Appearance, đây là chỗ để bạn có thể can thiệp vào phần code của từng plugin, không nên sửa nếu không hiểu về nó.

8. Users

WordPress cho phép bạn có thể tạo ra nhiều thành viên khác nhau và có thể phân quyền cho từng thành viên, bạn có thể chỉ định họ chỉ được sửa bài, được viết bài và thậm chí là được làm Administrator. Đây là module giúp bạn làm các việc đó.

- **All Users:** Quản lý các thành viên hiện có trong website.
- **Add New:** Tạo thành viên mới, bạn có thể thiết lập cho khách tự đăng
- **Your Profile:** Tùy chỉnh thông tin cá nhân, đổi mật khẩu tài khoản của chính bạn.

9. Tools

Thực sự module này ít được dùng tới. Chức năng của nó là giúp bạn sử dụng các công cụ nhỏ của WordPress. Đôi khi một số plugin bạn cài vào nó sẽ được chèn ở trong phần này.

- **Available Tools:** Chứa các công cụ mà bạn có thể được sử dụng trong hiện tại.
- **Import:** Nhập nội dung từ website khác về trang Web của bạn.
- **Export:** Xuất nội dung ra một file xml và có thể import nó lại khi cần hoặc import ở một website khác. Tuy ít dùng nhưng đây là một tính năng quan trọng và rất hay mà bạn cần biết.

10. Settings

Có thể khẳng định đây sẽ là phần mà bạn sử dụng nhiều nhất, vì có đến hơn 90% các plugin cần thiết nhất bạn cài vào thì nó sẽ xuất hiện và trở thành một module con trong phần này. Phần Settings này là tập hợp các công cụ liên quan đến việc cấu hình, thiết lập website WordPress.

- **General:** Trang này giúp bạn có thể thiết lập cấu hình chung của Website. VD như: tiêu đề của một website, múi giờ và một số tính năng nữa các bạn tự xem tiếp nhé.
- **Writing:** Nơi để bạn cài các thiết lập liên quan đến việc đăng bài lên website.
- **Reading:** module giúp bạn thiết lập các tính năng liên quan đến việc hiển thị, xem bài viết trên website với khách.
- **Discussion:** Thiết lập các tùy chọn liên quan đến việc bình luận trên website.
- **Media:** Thiết lập tùy chọn liên quan đến việc lưu trữ các file media trong thư viện Media.

- **Permalinks:** Thiết lập đường dẫn tĩnh cho website, tức là bạn có thể đưa link bài viết của bạn từ dạng động sang cấu trúc dạng tĩnh.

<http://www.toidongian.com/tim-hieu-bo-cuc-cac-module-trong-dashboard-cua-wordpress.html>

2.4. Xã hội :

Các loại thành viên trong WordPress FOSS Project

Tên	Tổng quan
Core	Đội nòng cốt tạo nên WordPress. Dù là người phát triển PHP hay chỉ đang học lập trình, bạn đều có thể tham gia. Bạn có thể lập trình, sửa lỗi, tranh luận quyết định và hỗ trợ phát triển.
UI	Nhóm UI là nhóm tập trung về thiết kế và phát triển giao diện. Là nhà cho các thiết kế viên và Uxers (hay tương tự như vậy). Có các cuộc tranh luận thường xuyên về mockups, thiết kế và kiểm thử người dùng.
Mobile	Đội di động xây dựng các ứng dụng trên iOS, Android, Windows, and Blackberry. Hãy gửi họ kỹ năng và kinh nghiệm về Java, Objective-C hay C# của bạn. Đội cũng cần các thiết kế viên, chuyên viên UX và kiểm thử viên để mang đến cho người dùng sự trải nghiệm mượt mà trên mỗi thiết bị.
Accessibility	Nhóm ally giúp tiếp cận chuyên môn trên toàn dự án. Họ đảm bảo rằng WordPress core và tất cả các tài nguyên của WordPress luôn có thể truy cập.
Pologlots	WordPress được dùng trên toàn cầu và bằng nhiều ngôn ngữ. Nếu bạn là polyglot, đóng góp bằng cách dịch WordPress qua

	ngôn ngữ của bạn. Bạn có thể gõ trợ tạo ra các công cụ giúp dịch ngôn ngữ dễ hơn.
Support	Trả lời một câu hỏi trên diễn đàn hỗ trợ hay IRC là cách dễ dàng nhất để bạn bắt đầu công việc đóng góp của mình. Mọi người đều biết câu trả lời đều nói đến điều gì! Nơi đây là nơi thảo luận các vấn đề về hỗ trợ.
Documentation	Tài liệu tốt giúp mọi người tự giải quyết vấn đề khi họ mắc phải. Đội soạn tài liệu có trách nhiệm tạo ra các tài liệu và luôn tìm đến các người viết. Nơi đây tranh luận và về dự dăng hiện tại của đội.
Themes	Nhóm duyệt chủ đề duyệt và xác nhận mỗi chủ đề được gửi lên Kho Chủ Đề WordPress. Duyệt chủ đề giúp bạn nâng cao kỹ năng phát triển chủ đề. Bạn có thể giúp và tham gia thảo luận tại đây.
Plugins	Nếu bạn là người phát triển plugin, hãy subscribe đội duyệt plugin blog để theo dõi những cập nhật mới nhất, tìm tài nguyên và tìm hiểu về các bản đề xung quanh việc phát triển plugin.
Community	Nếu bạn thích việc tổ chức họp mặt hay WordCamp, đây là nơi tuyệt vời để bạn khởi đầu. Có những nhóm thực hiện hỗ trợ sự kiện, tạo các chương trình tập huấn và ngoại khóa, cũng như hỗ trợ chung cho cộng đồng.
Meta	Đội Meta tạo nên WordPress.org, hỗ trợ và xây dựng các công cụ cho tất cả các nhóm đóng góp. Nếu bạn muốn giúp WordPress.org tốt hơn, hãy đăng ký để cập nhật từ Meta blog.

<https://make.wordpress.org/>